

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/DSST

Ngày 11-11-2019

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Kiệm; Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2019/QĐ-HPT ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn:

- Anh Nguyễn Anh X, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Tùng L, sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2019 và tại bản tự khai, những lời khai tiếp theo nguyên đơn là bà Bùi Thị L trình bày:

Bà không quan hệ gì với anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H mà thông qua sự giới thiệu của một người cháu của bà là giáo viên dạy học cùng trường với

Anh X, chị H. Ngày 21/8/2017 (Dương lịch) bà có cho vợ chồng Anh X vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), mục đích vay tiền là để trả nợ cho người khác, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 03 tháng (Tức đến ngày 21/11/2017 phải thanh toán), không thỏa thuận lãi suất, không có tài sản bảo đảm. Vợ chồng Anh X, chị H có viết cho bà một giấy biên nhận vay tiền. Bà là người trực tiếp giao số tiền 80.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H, thời điểm giao tiền chỉ có bà và vợ chồng Anh X, chị H ngoài ra không còn ai khác chứng kiến.

Đến hạn ngày 21/11/2017, không thấy vợ chồng Anh X, chị H thực hiện trả nợ nên bà đã gọi điện nhiều lần để đôn đốc nhưng vợ chồng Anh X không nghe máy.

Nay thời gian vay đã lâu mà Anh X, chị H vẫn chưa trả số tiền trên cho bà. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Anh X, chị Nguyễn Thị H phải trả cho bà số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và khoản tiền lãi 10% kể từ ngày 22/11/2017 đến ngày bà khởi kiện ra Tòa án với số tiền lãi là 11.000.000 đồng, ngoài ra vợ chồng Anh X còn phải trả cho bà khoản tiền lãi từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử theo mức 10%/năm.

Ngày 24/7/2019 Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ vụ án cho anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của các bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/8/2019 và ngày 17/9/2019 Tòa án mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn anh Nguyễn Anh X, chị Nguyễn Thị H không đến tham gia phiên họp theo thông báo, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và kết quả hòa giải cho phía bị đơn biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập Anh X, chị H đến làm việc nhưng Anh X, chị H đều vắng mặt không lý do. Do vậy Tòa án không thu thập được lời khai của những người này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Lê Tùng L trình bày: Ngày 21/8/2017 vợ chồng anh Nguyễn Anh X, chị Nguyễn Thị H đến nhà ông có hỏi vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Đây là khoản tiền chung của vợ chồng ông tiết kiệm được qua nhiều năm, vợ chồng ông có bàn bạc và nhất trí để Anh X và chị H vay số tiền trên. Việc giao nhận tiền thì Bà L đứng ra thỏa thuận và làm văn bản với Anh X, và chị H. Nay do vợ chồng Anh X không trả nợ, vợ ông là Bùi Thị L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H phải số tiền gốc 80.000.000 đồng cùng tiền lãi thì ông hoàn toàn đồng ý. Ông nhất trí để Bà L đại diện đứng ra kiện đòi số tiền trên, riêng với cá nhân ông thì ông không yêu cầu gì đối với Anh X, chị H.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn bà Bùi Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và khoản tiền lãi 10% kể từ ngày 22/11/2017 đến ngày xét xử theo mức 10%/năm của khoản nợ gốc là 15.711.440 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 95.711.440 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với phía bị đơn anh Nguyễn Anh X, chị Nguyễn Thị H không cung cấp lời khai, ý kiến cho Tòa án, vắng mặt tại tất cả các phiên làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 147, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L: Buộc anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị Hiền phải trả số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và khoản tiền lãi từ ngày 22/11/2017 đến ngày xét xử theo mức 10%/năm là 15.711.440 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 95.711.440 đồng.

Thời hạn trả tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại bà Bùi Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh X, chị Nguyễn Thị H là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hiệu khởi kiện đối với quan hệ tranh chấp này được quy định tại

Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 22/11/2017, do đó việc bà Bùi Thị L có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H là trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt:

Bị đơn anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông Lê Tùng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với những người trên.

[1.4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự giữa bà Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh X, chị Nguyễn Thị H được xác lập vào ngày 21/8/2017, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành, do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H đã được nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đối với Anh X, chị H, nhiều lần tổng đạt thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Anh X, chị H nhưng anh chị vẫn vắng mặt. Do vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H.

Căn cứ vào văn bản vay tiền đề ngày 21/8/2017 thể hiện bà Bùi Thị L là bên cho vay, anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H là bên vay, tài sản vay là tiền mặt, số tiền vay 80.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thể hiện mục đích vay, thời hạn vay 03 tháng (tức là đến ngày 22/11/2017 phải thanh toán). Như vậy xác định giữa các bên có thỏa thuận thực hiện một hợp đồng vay tài sản, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có tài sản đảm bảo, không tính lãi. Thời điểm phát sinh tranh chấp từ ngày 22/11/2017, nguyên nhân xảy ra tranh chấp do Anh X, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền nợ gốc là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ giấy biên nhận vay tiền thể hiện các bên không tính lãi của số tiền vay, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trong hạn. Xét thấy sự thỏa thuận này của các bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét vấn đề lãi suất trong hạn.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Anh X, chị Nguyễn Thị H phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày phát sinh tranh chấp 22/11/2017 đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất 10% năm trên số tiền nợ gốc. Xét thấy nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặt khác người cho vay có quyền đòi tiền

lãi theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn đưa ra là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do vậy yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Tại Quyết định số 256/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã giải quyết cho anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H được thuận tình ly hôn. Như vậy tại thời điểm vay tiền (Ngày 21/8/2017) Anh X – chị H đang là vợ chồng, khoản vay 80.000.000 đồng do Anh X và chị H cùng thực hiện, cùng ký kết nên số tiền này là tài sản chung và khoản nợ này cũng là nợ chung của Anh X và chị H. Do đó cả Anh X và chị H phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Bùi Thị L số tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của Bà L là phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $95.772.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.788.600 \text{ đồng}$. Anh X, chị H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí = 2.394.300 đồng (Hai triệu ba trăm chín tư nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại bà Bùi Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L:

- Buộc anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho bà Bùi Thị L số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

- Buộc anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho bà Bùi Thị L số tiền lãi từ ngày 22/11/2017 đến ngày 11/11/2019 là:

• $80.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}$ (tương ứng $0,833\%/\text{tháng}$) $\times 23 \text{ tháng} = 15.327.000 \text{ đồng}$ (Mười năm triệu ba trăm hai bảy nghìn đồng)

• 80.000.000 đồng x 10%/năm (tương ứng 0,278%/ngày) x 20 ngày = 445.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi phải trả là: 15.772.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi buộc anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả bà Bùi Thị L là **95.772.000** đồng (Chín mươi năm triệu bảy trăm bảy hai nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Anh X và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu **2.394.300** đồng (Hai triệu ba trăm chín tư nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Bùi Thị L số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0005492 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn